

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 557/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 4 năm 2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN BÌNH THANH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- ## 1. Bà Lâm Thi Hoàng Oanh

- ## 2. Ông Lâm Hoàng Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Dũng, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1562/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Liêu Hồng Đ, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: A đường Y, Phường Z, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bi đơn: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: B đường Y, Phường Z, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 và lời khai của bà Liêu Hồng Đ trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà Đ và ông D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số M quyền số N ngày 01/12/1999. Trong thời gian chung sống có 01 con chung tên: Nguyễn Xuân T, sinh ngày 15/10/1999 (đã trưởng thành).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm, từ năm 2006 cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nguyên nhân là do có nhiều mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp, làm cho tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau. Bà và ông D đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông D.

-Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 15/10/1999 (đã trưởng thành).

-Về tài sản chung: Bà Đ tự thỏa thuận với ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí ly hôn: 300.000 đồng, bà Đ thỏa thuận đóng theo quy định của pháp luật

2. Bị đơn ông Nguyễn Xuân D –*Vắng mặt*: Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để lấy lời khai để giải quyết vụ án ly hôn, giấy triệu tập tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ bị đơn tham gia tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi thông báo thụ lý vụ án cũng không có mặt tại tòa tham gia tố tụng theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân D đã được niêm yết hợp lệ tham gia phiên tòa theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử. Về giải quyết và xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về Ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý bị đơn ông Nguyễn Xuân D có hộ khẩu thường trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục:

Bị đơn ông Nguyễn Xuân D đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ từ khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử lần thứ 2 vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 nguyên đơn bà Liêu Hồng Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số M quyền số N ngày 01/12/1999 do Ủy ban nhân dân Phường Z, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ giữa bà Liêu Hồng Đ và ông Nguyễn Xuân D là quan hệ Hôn nhân và gia đình được qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Căn cứ bản khai ngày 13/9/2018, biên bản hòa giải ngày 08/01/2019 bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn, nên bà Đ yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Tòa án đã mời các bên đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng ông D không đến Tòa để tham gia hòa giải, điều này cho thấy ông D không có thiện chí xây dựng lại cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được..”

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Đ và ông D đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Đ là có căn cứ để chấp nhận.

[3.3]. Về con chung: có 01 con chung tên: Nguyễn Xuân T sinh ngày 15/10/1999 (đã trưởng thành).

[3.4]. Về tài sản chung: Bà Đ tự thỏa thuận với ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án; thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Liêu Hồng Đ:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Liêu Hồng Đ được ly hôn với ông Nguyễn Xuân D.

1.2. Về con chung: Có 01 con chung tên: Nguyễn Xuân T - sinh ngày 15/10/1999.

1.3. Về tài sản chung: Ghi nhận ý kiến của bà Đ tự thỏa thuận với ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà Liêu Hồng Đ phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005184 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự
- Ủy ban nhân dân Phường Z
quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Lưu hồ sơ...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng